

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 187 và Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;
- Căn cứ biên bản hòa giải thành được lập ngày 23 tháng 7 năm 2025, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 433/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Q (N)

Địa chỉ: Số B L, phường B (phường L, quận H cũ), Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Tầng A Tòa nhà A, số A N, phường X (phường V, Quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H – Chủ tịch Hội Đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Nguyễn Trường G, sinh năm 1992- Chuyên viên chính xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Q (có mặt)

Địa chỉ: Số A N, phường X (phường V, Quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

** Bị đơn:*

1/ Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1957

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Số B, khu phố D, phường A (khu phố C, phường T, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng thương mại cổ phần Q và ông Nguyễn Đức K, bà Nguyễn Thị Ngọc A thống nhất số tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay số 594/21/HĐCV-9308 ngày 10/12/2021, Hợp đồng cho vay số 470/20/HĐCV-9308 ngày 26/10/2021, Hợp đồng cho vay số 595/21/HĐCV-9308 ngày 10/12/2021, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/595/21/HĐCV-9308 ngày 13/12/2021, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/470/21/HĐCV-9308 ngày 28/10/2021, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 001/KUNN/594/21/HĐCV-9308 ngày 13/12/2021 là 7.506.473.129 (bảy tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, bốn trăm bảy mươi ba ngàn, một trăm hai mươi chín) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 4.817.499.999 (bốn tỷ, tám trăm mười bảy triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm chín mươi chín) đồng, lãi trong hạn là 167.900.628 (một trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm ngàn, sáu trăm hai mươi tám) đồng, lãi quá hạn là 2.521.072.502 (hai tỷ, năm trăm hai mươi một triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm lẻ hai) đồng.

Ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Thị Ngọc A thừa nhận nợ và đồng ý trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/7/2025 là 7.506.473.129 (bảy tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, bốn trăm bảy mươi ba ngàn, một trăm hai mươi chín) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 4.817.499.999 (bốn tỷ, tám trăm mười bảy triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm chín mươi chín) đồng, lãi trong hạn là 167.900.628 (một trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm ngàn, sáu trăm hai mươi tám) đồng, lãi quá hạn là 2.521.072.502 (hai tỷ, năm trăm hai mươi một triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm lẻ hai) đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q và ông Nguyễn Đức K, bà Nguyễn Thị Ngọc A thỏa thuận như sau:

Ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Thị Ngọc A có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 23/7/2025 là 7.506.473.129 đồng (bảy tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, bốn trăm bảy mươi ba ngàn, một trăm hai mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc là 4.817.499.999 (bốn tỷ, tám trăm mười bảy triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm chín mươi chín) đồng, lãi trong hạn là 167.900.628 (một trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm ngàn, sáu trăm hai mươi tám) đồng, lãi quá hạn là 2.521.072.502 (hai tỷ, năm trăm hai mươi một triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm lẻ hai) đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q hạn cuối vào ngày 31/7/2025.

Số tiền nợ gốc mà ông Nguyễn Đức K, bà Nguyễn Thị Ngọc A phải trả kể từ ngày 24/7/2025 sẽ được tiếp tục tính lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng và các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết cho đến khi ông Nguyễn Đức K, bà Nguyễn Thị Ngọc A trả xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Nếu ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Thị Ngọc A không trả số tiền nợ nêu trên hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Phòng Thi hành

án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 445/20/HĐTC-9308 ngày 01/12/2020. Tài sản thế chấp là phần đất có diện tích 200m², thuộc thửa đất số thửa đất số 402-5, tờ bản đồ số 13B (Sơ đồ nền), tọa lạc tại Số B, khu phố D, phường A (khu phố C, phường T, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Hồ sơ gốc 471 (Bản cấp cho chủ sở hữu), do Ủy ban nhân dân Quận A cấp ngày 22/3/2002; cấp cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Thị Ngọc A vào ngày 02/11/2007 số 1326/TL để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Thị Ngọc A có trách nhiệm liên đới trả hết số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Thị Ngọc A tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã tạm nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.000.000 (tám triệu) đồng. Ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Thị Ngọc A phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q 8.000.000 (tám triệu) đồng.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 57.753.237 (năm mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn, hai trăm ba mươi bảy) đồng. Ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Thị Ngọc A tự nguyện nộp.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 57.980.750 (năm mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi ngàn, bảy trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu số 0071864 ngày 14/5/2025 của Phòng Thi hành án Khu vực 7 (Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 cũ) Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV7;
- Phòng THA KV7;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vt.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Thảo